

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN LÃO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST

Ngày 25-01-2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Vĩnh;

Ông Nguyễn Văn Thắng.

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Đặng Gia Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 159/2021/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 10 năm 2021 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1092/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Ngô Thị H; địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Vũ Văn T, địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 10 năm 2021 và các bản tự khai, nguyên đơn là chị Ngô Thị H trình bày: Chị xây dựng hạnh phúc với anh Vũ Văn T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 16 tháng 7 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện A thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do quan điểm sống

của hai người không hợp nhau, anh T thiếu quan tâm đến gia đình. Chị H đã khuyên can nhưng anh T không thay đổi, mâu thuẫn ngày càng căng thẳng, chị H đã bỏ về bên ngoại ở nhờ từ năm 2020, vợ chồng ly thân từ đó, không quan tâm đến cuộc sống chung. Nay chị H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T. Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là Vũ Văn N sinh ngày 31 tháng 12 năm 2013 và Vũ Văn K sinh ngày 02 tháng 9 năm 2015. Chị H nhận nuôi cháu Khánh và đề nghị giao cháu Nam cho anh T nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Vũ Văn T trình bày: Anh thống nhất với lời khai của chị H về thời gian, địa điểm và điều kiện kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn như chị H đã trình bày. Nay chị H có đơn ly hôn, anh T mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con chung cho tốt. Nếu chị H vẫn giữ quan điểm xin ly hôn thì anh T cũng đồng ý. Về con chung: Anh T thống nhất với chị H vợ chồng có 02 con chung, họ tên, tuổi các con như chị H trình bày là đúng, anh T nhận nuôi 02 con đến khi các con đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của con chung: Cháu Vũ Văn N sinh ngày 31 tháng 12 năm 2013 có nguyện vọng được ở với anh Vũ Văn T.

Các biên bản xác minh tại gia đình, địa phương đều thể hiện chị H và anh T có đăng ký kết hôn, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, con chung như anh chị đã khai. Quan điểm của địa phương là giao cho mỗi người nuôi 01 con là phù hợp với điều kiện của anh chị.

Tại phiên tòa, chị Ngô Thị H và anh Vũ Văn T đều vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị Ngô Thị H đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Vũ Văn T vắng mặt tại phiên tòa là chưa tuân thủ đầy đủ các quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 19, 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Ngô Thị H được ly hôn anh Vũ Văn T; về con chung: Giao con Vũ Văn N sinh ngày 31 tháng 12 năm 2013 cho anh Vũ Văn T nuôi dưỡng, giao con Vũ Văn K sinh ngày 02 tháng 9 năm 2015 cho chị Ngô Thị H nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Về tài sản chung:

Chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, chị Ngô Thị H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Ngô Thị H có đơn khởi kiện đề nghị được ly hôn với anh Vũ Văn T. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh T là bị đơn trong vụ án và cư trú tại xã A, huyện A thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Lão theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Chị Ngô Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Vũ Văn T đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Do vậy căn cứ vào điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị H và anh Vũ Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện A thành phố Hải Phòng vào ngày 16 tháng 7 năm 2013. Vì vậy quan hệ hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Trong thời gian chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do quan điểm sống không hợp nhau, không có sự chia sẻ, thông cảm, yêu thương lẫn nhau, dẫn đến mâu thuẫn kéo dài, anh chị đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay và không tìm được giải pháp nào để khắc phục tình trạng mâu thuẫn đó. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên đề nghị được ly hôn với anh T. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh T đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần hai. Điều đó phần nào thể hiện ý chí không mong muốn đoàn tụ vợ chồng của anh T. Như vậy, có thể thấy mâu thuẫn của anh chị đã ngày càng căng thẳng, trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết cho chị H được ly hôn anh T.

[4] Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là Vũ Văn N sinh ngày 31 tháng 12 năm 2013 và Vũ Văn K sinh ngày 02 tháng 9 năm 2015. Chị H nhận

nuôi con Vũ Văn K và đề nghị giao con Vũ Văn N cho anh T nuôi dưỡng. Anh T nhận nuôi 02 con. Cháu N có nguyện vọng được ở với anh T. Do vậy cần giao cháu N cho anh T nuôi dưỡng, giao cháu K cho chị H nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là có cơ sở, phù hợp với những ý kiến đã được tham khảo, phù hợp với điều kiện thực tế, phù hợp với nguyện vọng của anh chị và cũng là nguyện vọng của con chung, đồng thời đảm bảo được lợi ích, tâm lý và sự phát triển về mọi mặt khác của con chung và phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Mỗi người nuôi một con nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[5] Về tài sản chung: Chị Ngô Thị H và anh Vũ Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Ngô Thị H là nguyên đơn phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị H và anh T được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị H:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị H được ly hôn anh Vũ Văn T.

2. Về con chung: Giao con Vũ Văn N sinh ngày 31 tháng 12 năm 2013 cho anh Vũ Văn T nuôi dưỡng, giao con Vũ Văn K sinh ngày 02 tháng 9 năm 2015 cho chị Ngô Thị H nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Ngô Thị H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Ngô Thị H đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001073 ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Chị Ngô Thị H đã nộp đủ án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Ngô Thị H và anh Vũ Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Các đương sự;
- UBND xã A;
- Lưu: Hồ sơ; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Duyên